TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA BÌNH** **TỈNH BẮC NINH** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 84/2024/HS - ST
Ngày 30/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Minh Phương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đăng Đán

Ông Hoàng Công Hằng

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thư ký

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tập - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 30/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2024/TLST - HS ngày 19/7/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2024/QĐXXST - HS ngày 01 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn T - Sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu phố L, phường H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân T1 và con bà Dương Thị P; Có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 05/2020/HSST ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xử phạt Nguyễn T 50.000.000 đồng về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Đã nộp tiền phạt ngày 07/10/2020, nộp tiền án phí ngày 24/02/2020. Đã được xóa án tích; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2024 đến ngày 07/02/2024, hiện được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh" (có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phạm Văn H – Công ty L1 – Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt)

Bị hại: Anh Đinh Viết S – Sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện G, tỉnh Bắc Ninh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: - Chị Nguyễn Thị L – Sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố L, phường H, thi xã T, tỉnh Bắc Ninh

- Anh Nguyễn Đăng T2 – Sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu A, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Đinh Viết S là giám đốc công ty TNHH B và là chủ sở hữu của chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Carens, biển kiểm soát (BKS): 99A- 129.67 (Chiếc xe đăng ký tên công ty TNHH B). Khoảng 10 giờ ngày 02/09/2023, anh S đang ở nhà thì Nguyễn T gọi điện thoại cho anh S hỏi mượn chiếc xe ô tô BKS: 99A- 129.67 để sử dụng làm phương tiện đi lại giải quyết công việc. Do có mối quan hệ quen biết nên anh S đồng ý. Sau đó, T một mình bắt xe taxi đến nhà anh S để lấy xe ô tô. Thao vào nhà ngồi nói chuyện với anh S khoảng 15 phút thì anh S đưa chìa khóa xe cho T. Sau đó T điều khiển xe ô tô BKS: 99A - 129.67 một mình đi đến thành phố B, tỉnh Bắc Ninh để giải quyết công việc. Sau khi giải quyết công việc xong, khoảng 11 giờ cùng ngày, T nhận được cuộc gọi điện thoại của nhân viên ngân hàng giục đóng lãi cho khoản vay mà T đang vay tại ngân hàng. Lúc này, do không có tiền đóng lãi, biết có một số giấy tờ có liên quan đến chiếc xe vẫn để trong xe nên T nảy sinh ý định bán chiếc xe này lấy tiền. T gọi điện thoại cho anh Nguyễn Đăng T2, TT: phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh là chủ cửa hàng mua bán xe ô tô cũ ở phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh đặt vấn đề bán xe cho anh T2. Khi T và anh T2 trao đổi việc bán xe, T nói với anh T2 là xe của T, giấy tờ xe hiện đang thế chấp tại ngân hàng. Do nghĩ chiếc xe là tài sản của T nên anh T2 đồng ý mua xe và bảo T cứ mang xe đến cửa hàng của anh T2. Sau đó, T điều khiển xe ô tô BKS: 99A - 129.67 đến cửa hàng của anh T2 để bán xe nhưng anh T2 không có ở cửa hàng nên T đã gọi điện thoại cho anh T2 và thoả thuận mua bán xe qua điện thoại. T và anh T2 thống nhất T bán xe ô tô BKS: 99A - 129.67 cho anh T2 với giá 200.000.000 đồng, do T nói xe đang được thế chấp để vay tiền ngân hàng, nên anh T2 và T thống nhất anh T2 thanh toán trước 50.000.000 đồng, số tiền còn lại sau khi T tất toán khoản vay, xoá thế chấp với ngân hàng, lấy đăng ký xe ra đưa cho anh T2 thì anh T2 sẽ trả nốt số tiền còn lại. Sau đó, theo hướng dẫn của anh T2, Thao làm hợp đồng mua bán xe với anh Trần Hồng Q là nhân viên của anh T2 tại cửa hàng. Sau khi làm hợp đồng xong, T bàn giao xe, khoá xe và các giấy tờ gồm: 01 (một) bản sao chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 99A –

129.67 có chứng thực của UBND phường N; 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô BKS: 99A – 129.67 số DA 4624516; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô đối với xe ô tô BKS: 99A – 129.67 cho anh Q. Xác nhận T đã bàn giao xe, anh T2 đã bảo anh Q đưa cho T số tiền 50.000.000 đồng. Khoảng 01 tuần sau, do cần tiền nên T tiếp tục đến gặp anh T2 để đề nghị lấy thêm 30.000.000 đồng thì anh T2 đồng ý đưa tiền cho T. Toàn bộ số tiền có được từ việc bán xe ô tô BKS: 99A - 129.67, T sử dụng vào việc trả lãi ngân hàng và chi tiêu cho bản thân.

Sau khi cho T mượn chiếc xe ô tô BKS: 99A - 129.67, anh S không thấy T liên hệ, trả xe, ngày hôm sau anh S đã gọi điện thoại cho T nhiều lần nhưng T không nghe máy, đến khi T nghe máy thì nói với anh S là đang giải quyết công việc. Do là chỗ thân quen nên anh S không gọi nữa. Sau đó, cứ vài ngày anh S lại gọi điện thoại yêu cầu T trả xe, nhưng T không nghe máy, có lúc nghe máy thì lại lấy lý do để không trả xe. Sau khi biết T đã cắm xe, anh S yêu cầu T mang xe về trả thì T không trả được, tắt điện thoại và bỏ trốn nên ngày 01/12/2023, anh S đã làm đơn trình báo đến Cơ quan điều tra.

Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với anh Nguyễn Đăng T2, quá trình làm việc, anh T2 tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe ô tô BKS: 99A - 129.67 cùng các giấy tờ xe kèm theo gồm: 01 (một) bản sao chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 99A – 129.67 có chứng thực của UBND phường N; 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô BKS: 99A – 129.67 số DA 4624516; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô đối với xe ô tô BKS: 99A – 129.67; 01 (một) Giấy mua bán xe đề ngày 02/09/2023 giữa bên bán là Nguyễn T và bên mua là anh Nguyễn Đăng T2.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận: Giá trị của chiếc xe ô tô, nhãn hiệu KIA, số loại CARENS, số máy: G4KAEH411203, số khung: RNYFG51M5GC065136, màu sơn: Trắng, năm sản xuất: 2016, nước sản xuất: Việt Nam, mang biển kiểm soát 99A – 129.67, đăng ký lần đầu và đưa vào sử dụng từ ngày 20/05/2016 tại thời điểm định giá là: 400.261.400 đồng. Bằng chữ: Bốn trăm triệu, hai trăm sáu mươi mốt nghìn, bốn trăm đồng.

Tại bản cáo trạng số: 45/CT – VKSGB ngày 16/7/2024 của VKSND huyện Gia Bình đã truy tố **Nguyễn T** về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị L vợ bị cáo xác định bị cáo đã tác động để chị nộp đủ số tiền 80 triệu đồng mà bị cáo chiếm đoạt khi bán xe để trả cho anh T2. Nay chị không có yêu cầu gì về số tiền này.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời trình bày tại cơ quan điều tra và đề xác định không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên toà hôm nay đại diện VKSND huyện Gia Bình sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thao phạm T3 "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản";

Áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thao T4 36 đến 42 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: Nhất trí về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố. Tuy nhiên mức hành phạt đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng với bị cáo là cao. Bởi theo người bào chữa thì nguyên nhân phạm tội của bị cáo là do nhận thức, do mối quan hệ thân tình với bị hại và bản thân bị cáo trước dây cũng đã giúp đỡ bị hại trong thời điểm bị hại khó khăn, vào thời điểm bị cáo phạm tội thì bị cáo cũng đang rất khó khăn nên suy nghĩ đơn giản là bị hại sẽ giúp đỡ bị cáo. Sau khi nhận thức được hành vi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; mặt khác gia đình bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sác, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế tại địa phương; tích cực tham gia ủng hộ các loại quỹ do địa phương phát động; Bố bị cáo là thương binh, là nạn nhân chất độc da cam, tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng huy chương cao quý của Nhà nước. Vì thế người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề.

Bị cáo nhất trí với bản bào chữa của người bào chữa, không tranh luận bổ sung gì thêm.

Kiểm sát viên xác định mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng với bị cáo là đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo. Do vậy Kiểm sát viên giữ nguyên mức hình phạt như đã đề nghị trong bản luận tội, không tranh luận gì thêm.

Người bào chữa, bị cáo cũng không tranh luận gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không tranh luận gì về những nội dung có liên quan.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 10 giờ ngày 02/9/2023 tại nhà anh Đinh Viết S ở thôn M, xã L, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, do có mối quan hệ quen biết từ trước nên Nguyễn T đã mượn anh Đinh Viết S 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại CARENS, số máy: G4KAEH411203, số khung: RNYFG51M5GC065136, màu sơn: Trắng, sản xuất năm 2016, mang biển kiểm soát 99A – 129.67, đăng ký lần đầu và đưa vào sử dụng từ ngày 20/05/2016 trị giá 400.261.400 đồng (Bốn trăm triệu, hai trăm sáu mươi mốt nghìn, bốn trăm đồng). Sau khi mượn được xe, do không có tiền để đóng lãi ngân hàng nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên để bán lấy tiền. T không nói cho anh S biết mà tự mình liên hệ và bán chiếc xe trên cho anh Nguyễn Đăng T2 với giá 200.000.000 đồng, anh T2 đã trả trước cho T số tiền 80.000.000 đồng. Số tiền có được, T sử dụng để đóng lãi ngân hàng và tiêu xài cá nhân hết. Do đó, đã đủ cơ

sở kết luận bị cáo Nguyễn Thao phạm T3 "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" vi phạm khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến khách thể được Bộ luật hình sự bảo vệ đó là quyền sở hữu về tài sản của người khác. Chỉ vì muốn có tiền để sử dụng cho việc đóng lãi ngân hàng của cá nhân mà bị cáo đã lợi dụng lòng tin của người khác khi được cho mượn tài sản có giá trị để sử dụng đã mang tài sản đi bán để lấy tiền. Hành vi của bị cáo đã gây mất lòng tin giữa con người với con người, gây dư luận xấu, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội và bị xã hội lên án. Bản thân bị cáo từng bị kết án về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" vào năm 2020, mặc dù bị cáo đã chấp hành xong bản án và được xóa án tích. Nhưng bị cáo không lấy đó là bài học cho bản thân mình, nay lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giúp cho bị cáo nhận ra lỗi lầm, cải tạo thành người có ích, đảm bảo trật tự xã hội.

Xét các tình tiết tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã ra đầu thú, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo bồi thường cho bị hại và đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bố bị cáo là thương binh, nạn nhân chất độc da cam tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì; Gia đình bị cáo tích cực ủng hộ quỹ khuyến học của địa phương. Nên khi lượng hình cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại, số tiền thực tế bị cáo chiếm đoạt mới chỉ là 80 triệu đồng cũng đã được gia đình bị cáo nộp lại để trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên xét thấy có thể áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử cho bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ giúp cho bị cáo cải tạo sửa chữa lỗi lầm, trở thành người có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với anh Nguyễn Đăng T2 là người mua chiếc xe ô tô BKS: 99A- 129.67, quá trình điều tra xác định, khi mua xe, anh T2 không biết chiếc xe này là do T

chiếm đoạt của anh S, bản thân anh T2 làm nghề mua bán xe cũ, có đầy đủ giấy phép kinh doanh theo quy định. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G không xem xét xử lý đối với anh T2 là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Đinh Viết S đã nhận lại chiếc xe và toàn bộ giấy tờ xe có liên quan, bị cáo đã bồi thường chi phí sửa chữa xe cho bị hại, nay bị hại không yêu cầu T phải bồi thường gì thêm; Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thi L là vợ của T đã tự nguyện giao nộp số tiền 80.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho anh Nguyễn Đăng T2 là người đã mua xe của T, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại cho anh T2 số tiền trên, anh T2 đã nhận đầy đủ và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm; Chị L cũng không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho chị số tiền chị đã bỏ ra để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị cáo. Nên không cần đặt ra xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc xe ô tô BKS: 99A – 129.67 cùng toàn bộ giấy tờ có liên quan đến chiếc xe gồm: 01 (một) bản sao chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 99A – 129.67 có chứng thực của UBND phường N; 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô BKS: 99A – 129.67 số DA 4624516; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô đối với xe ô tô BKS: 99A – 129.67, sau khi tiến hành định giá tài sản, ngày 07/02/2024, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là anh Đinh Viết S là phù hợp, nên không cần đặt ra xem xét..

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thao phạm T3 "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thao 3 (Ba sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.Trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2024 đến ngày 07/02/2024.

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15

ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án. (hoặc niêm yết bản án).

Nơi nhận;
- Toà án tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Gia Bình;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS huyện Gia Bình (khi án có hiệu lực);
- Công an huyện Gia Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án; Văn phòng;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lương Minh Phương